

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 04/2021/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Cửu, ngày 10 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Quang

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 140/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 93/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Anh Trần Quang V, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 251, Tổ X, Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Trần Quang M, sinh năm 1984 (vắng mặt);

- Anh Trần Quang C, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 251, Tổ X, Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 23/9/2020, bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu anh Trần Quang V trình bày:

Cha anh là ông Trần Quang Q, sinh năm 1962 đã bỏ đi biệt tích khỏi nhà từ tháng 01 năm 2015 đến nay không quay về địa phương, ông Q bỏ đi đâu, làm gì không trình báo chính Q địa phương, không khai báo tạm vắng, gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, hỏi nhiều người nhưng không ai biết ông Q hiện nay đang ở đâu, cũng không có tin tức xác

thực là ông Q còn sống. Nơi cư trú cuối cùng của ông Q trước khi biệt tích là: Số nhà 251, Tổ 6, Ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Ông Q kết hôn với bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1962 (đã chết ngày 02/8/2020), có 03 người con gồm: Trần Quang V sinh năm 1984, Trần Quang Mạnh sinh năm 1984 và Trần Quang Cường, sinh năm 1996; cùng cư trú tại địa chỉ: Số nhà 251, Tổ 6, Ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Do đã nhiều năm không có tin tức nên anh Vững yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Trần Quang Q, sinh năm 1962, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích là: Số nhà 251, Tổ 6, Ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai là đã chết. Lý do, mục đích của việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những vấn đề nêu trên: Để gia đình thuận tiện trong việc liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản của ông Trần Quang Q.

Theo các bản tự khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Trần Quang Cường và Trần Quang Mạnh trình bày: Đồng ý với yêu cầu của anh Trần Quang V và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Quang V có đơn yêu cầu tuyên bố ông Trần Quang Q là đã chết; ông Q có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về nội dung:

Theo lời khai của người yêu cầu và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Ông Trần Quang Q sinh năm 1962 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; ông Q có vợ là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (đã chết ngày 02/8/2020), có 03 người con gồm: Anh là Trần Quang V sinh năm 1984, Trần Quang M sinh năm 1984 và Trần Quang C, sinh năm 1996; từ tháng 01 năm 2015 ông Q đã đi khỏi địa phương không có tin tức gì là còn sống hay đã chết; lời khai của người yêu cầu cũng như các con ông Q đều thừa nhận kể từ khi bỏ nhà đi không có tin tức gì của ông Q. Chính quyền địa phương xã V, huyện Vĩnh Cửu xác nhận nội dung ông Q không còn cư trú tại địa phương từ năm 2015 và nội dung đơn trình bày của ông Trần Quang V là đúng.

Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 448/2020/TB-TA ngày 15/10/2020, Thông báo

này đã được đăng trên báo và đài trung ương trong ba kỳ liên tục. Tuy nhiên, hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu vẫn không có tin tức gì của ông Trần Quang Q.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Trần Quang Q sinh năm 1962 đã biệt tích từ 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực còn sống theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu của anh Trần Quang V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và được chấp nhận. Do không xác định được ngày của tháng có tin tức cuối cùng của ông Trần Quang Q nên thời hạn này sẽ được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo của năm có tin tức cuối cùng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người bị tuyên bố là đã chết được thực hiện theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quang V phù hợp với nhận định của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Quang V phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, Điều 35, 39, 361, 369, 370, 371, 372, 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68, 71, 72 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Quang V về “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết”;

Tuyên bố ông Trần Quang Q, sinh năm 1962; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Tổ 6, Ấp 6, xã V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã chết. Ngày chết của ông Trần Quang Q được xác định là ngày 01 tháng 02 năm 2015.

Về quan hệ nhân thân: Khi quyết định của Tòa án tuyên bố một người là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của người đó được giải quyết như đối với người đã chết.

Quan hệ tài sản của người bị Tòa án tuyên bố là đã chết được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của người đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Quang V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng

(ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003247 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh Trần Quang V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu anh Trần Quang V có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người có *QLNVLQ*;
- UBND xã V, huyện Vĩnh Cửu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Xuân Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
 - (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
 - (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
 - (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
 - (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
 - (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày tháng năm).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
 - (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
 - (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
 - (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”